

AI toàn cầu tạo cú hích mới cho chuỗi sản xuất và xuất khẩu Việt Nam

06:32 22/08/2026

Làn sóng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo trên thế giới đang tạo ra hiệu ứng lan tỏa rõ hơn tới Việt Nam, không chỉ giúp nhóm hàng công nghệ tăng tốc mà còn kéo theo sự mở rộng của sản xuất, đơn hàng xuất khẩu và nhu cầu nguyên vật liệu. Những tín hiệu này cho thấy khu vực sản xuất đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mới, dù áp lực nhập khẩu và thâm hụt thương mại cũng gia tăng.

Báo cáo Kinh tế Vĩ mô Việt Nam tháng 7/2026 của VinaCapital cho thấy hoạt động sản xuất và xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tích cực trong 7 tháng đầu năm. Động lực nổi bật đến từ nhóm máy vi tính, điện tử và linh kiện, khi nhu cầu đầu tư vào hạ tầng AI trên toàn cầu ngày càng lớn.

Xu hướng này đang giúp Việt Nam hưởng lợi từ sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng công nghệ. Đồng thời, sự gia tăng đơn hàng cũng tạo tác động lan tỏa tới các nhà máy trong nước, thúc đẩy nhập khẩu nguyên liệu và mở rộng sản xuất.

Công nghệ kéo sản xuất đi lên

Trong 7 tháng đầu năm, xuất khẩu máy vi tính, điện tử và linh kiện tăng khoảng 50% so với cùng kỳ, sau khi cũng tăng gần 50% trong năm 2025. Tính chung, xuất khẩu công nghệ tăng 39% và hiện chiếm gần 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.



Nhu cầu đầu tư AI toàn cầu đang thúc đẩy xuất khẩu máy vi tính, điện tử và linh kiện, đồng thời tạo thêm động lực cho sản xuất công nghiệp Việt Nam. Ảnh AI

Điểm đáng chú ý là cơ cấu tăng trưởng đang thay đổi. Nếu trước đây điện thoại thông minh và nhóm máy vi tính, điện tử cùng đóng góp đáng kể vào tăng trưởng xuất khẩu công nghệ, thì hai năm gần đây, phần lớn động lực đến từ máy vi tính và điện tử.

Sự thay đổi này gắn với nhu cầu ngày càng lớn đối với máy chủ, thiết bị điện tử và các sản phẩm phục vụ hệ sinh thái AI. Khi các trung tâm dữ liệu và hạ tầng tính toán được đầu tư mạnh trên toàn cầu, nhu cầu đối với nhóm sản phẩm mà Việt Nam có năng lực sản xuất cũng tăng theo.

Tác động không dừng ở lĩnh vực xuất khẩu. Ngành chế biến, chế tạo - khu vực đóng góp khoảng một phần tư GDP - tăng trưởng từ 11,4% trong 6 tháng lên 12% trong 7 tháng đầu năm.

Theo VinaCapital, tốc độ này tương đương mức tăng trưởng bình quân khoảng 12% mỗi năm của ngành trước COVID-19. Chỉ số PMI sản xuất cũng tăng từ 51,8 điểm trong tháng 6 lên 52,9 điểm trong tháng 7, đánh dấu tháng thứ 13 liên tiếp duy trì trên ngưỡng 50 điểm.

Triển vọng đơn hàng xuất khẩu cũng cải thiện đáng kể. PMI đơn hàng xuất khẩu mới từ mức 45,3 điểm trong tháng 3 đã tăng lên 51 điểm vào tháng 6 và tiếp tục đạt 52,8 điểm trong tháng 7. Việc chỉ số vượt ngưỡng 50 điểm cho thấy nhu

cầu từ thị trường quốc tế đang phục hồi và tạo thêm dư địa cho hoạt động sản xuất.

Một tín hiệu khác đáng chú ý là lượng nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu của các nhà máy tăng lên mức cao nhất trong hơn 4 năm. Diễn biến này cho thấy doanh nghiệp không chỉ phản ứng với đơn hàng hiện tại mà còn đang chuẩn bị nguồn lực cho nhu cầu sản xuất cao hơn.

Nhập khẩu tăng phản ánh nhu cầu mở rộng sản xuất

Đà tăng của sản xuất đang kéo theo nhu cầu nhập khẩu lớn hơn. Trong 7 tháng đầu năm, nhập khẩu tăng 35%, cao hơn tốc độ tăng 22% của xuất khẩu. Riêng tháng 7, Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại khoảng 3,6 tỷ USD, đưa mức thâm hụt lũy kế lên 20,5 tỷ USD.

Con số này gây chú ý khi vượt mức thâm hụt thương mại cao nhất từng được ghi nhận trong một năm, khoảng 18 tỷ USD vào năm 2008.

Tuy nhiên, cơ cấu của dòng nhập khẩu cho thấy một phần đáng kể đang phục vụ hoạt động sản xuất. Lượng nguyên vật liệu tăng trong khi tồn kho nguyên liệu và thành phẩm giảm, cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng đầu vào cho sản xuất thay vì chỉ tích lũy hàng hóa trong kho.

Đây là khác biệt quan trọng khi đánh giá tác động của thâm hụt thương mại. Nếu nhập khẩu tăng chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng, tác động tới năng lực sản xuất sẽ khác so với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, linh kiện và nguyên liệu để đáp ứng đơn hàng xuất khẩu.

Bên cạnh yếu tố sản lượng, giá dầu và chip nhớ tăng mạnh cũng làm giá trị nhập khẩu tăng. Theo VinaCapital, khoảng một nửa mức thâm hụt thương mại có thể liên quan đến việc giá của hai nhóm hàng này tăng cao.

Trong khi đó, tỷ giá USD/VND gần như ổn định từ đầu năm. Một trong những yếu tố hỗ trợ VND là mặt bằng lãi suất huy động tăng, với lãi suất kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại tăng khoảng 150 điểm cơ bản lên 8-9%.

Ở phía cầu nội địa, sức mua vẫn duy trì tương đối tốt. Doanh số bán lẻ thực tế sau khi loại trừ lạm phát tăng từ 7,3% trong 6 tháng lên 7,5% trong 7 tháng đầu năm. Điều này cho thấy thị trường trong nước tiếp tục là một điểm tựa trong bối cảnh kinh tế chịu tác động đồng thời từ biến động thương mại quốc tế và nhu cầu đầu vào tăng cao.

Tốc độ tăng tín dụng cũng tiếp tục cao hơn huy động. Đến ngày 27/7, tín dụng tăng 8,2%, trong khi huy động tăng 5,8%. Theo cách tính đơn giản, LDR lên khoảng 115%; nếu tính thêm chứng chỉ tiền gửi vào nguồn huy động, tỷ lệ này có thể thấp hơn.

Nhìn tổng thể, nền kinh tế đang nhận được lực đẩy từ cả bên ngoài và bên trong. AI toàn cầu tạo thêm nhu cầu đối với hàng công nghệ, đơn hàng xuất khẩu phục hồi, sản xuất mở rộng và doanh nghiệp tăng nhập khẩu nguyên liệu để chuẩn bị cho chu kỳ mới.

Thách thức đặt ra là làm thế nào để Việt Nam giữ được phần giá trị lớn hơn trong chuỗi sản xuất khi quy mô xuất khẩu công nghệ ngày càng tăng. Việc phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng tỷ lệ nội địa hóa, tăng năng lực nghiên cứu - phát triển và nâng chất lượng nguồn nhân lực sẽ quyết định mức độ lan tỏa của làn sóng AI tới nền kinh tế.

Nếu tận dụng tốt chu kỳ công nghệ này, Việt Nam không chỉ gia tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn có thể nâng cấp vị trí trong chuỗi cung ứng, tạo thêm giá trị trong nước và biến sự bùng nổ đầu tư AI toàn cầu thành động lực cho tăng trưởng dài hạn.

Nam Sơn (t/h)